

Bá Thước, ngày 11 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 08/2020/TLST/ HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020 giữa :

Nguyên đơn: Chị Vi Thị T ; Sinh năm: 1986

Nơi cư trú: Thôn B , xã L C , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lương Văn H ; Sinh năm: 1985

Nơi cư trú: Thôn L H , xã B C , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Vi Thị T và anh Lương Văn H .

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Vi Thị T và anh Lương Văn H đều tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Vi Thị T và anh Lương Văn H có 02 con chung là cháu Lương Thị Phương T , sinh ngày 28/7/2005 và cháu Lương Văn M , sinh ngày 14/12/2011. Chị Vi Thị T và anh Lương Văn H tự nguyện thỏa thuận khi ly hôn anh H là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lương Thị Phương T và cháu

Lương Văn M cho đến khi thành niên, anh H không yêu cầu chị Thành cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Vi Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị Vi Thị T và anh Lương Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị Vi Thị T và anh Lương Văn H khai không có nợ chung.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Vi Thị T và anh Lương Văn H tự nguyện thỏa thuận: Chị Vi Thị T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp 300.000đ, hoàn trả lại cho chị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) theo biên lai thu số: AA/2018/0005208 ngày 20/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND;
- Chi cục THA;
- UBND xã Ban Công;
- Lưu Hs.

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên

